

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG
NGOÀI NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 62/TTLĐNN-TCLĐ
V/v thông báo kế hoạch đào tạo giáo dục
định hướng Chương trình EPS
Khóa K07-VX02/2025

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Kính gửi: Sở Nội vụ

Triển khai kế hoạch phái cử người lao động sang Hàn Quốc làm việc năm 2025, căn cứ kế hoạch tiếp nhận của HRD Hàn Quốc, Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng thông báo kế hoạch tổ chức, danh sách người lao động tham gia giáo dục định hướng K07-VX02/2025 (*danh sách kèm theo*) và đề nghị quý Sở phối hợp thực hiện những nội dung sau:

1. Thông báo người lao động thực hiện nghĩa vụ tài chính:

- Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động nộp chi phí phái cử bằng khoản tiền Việt Nam tương đương với 630 USD và chi phí hành chính xin cấp visa 390.000 đồng để xác nhận nguyện vọng thực hiện hợp đồng lao động đã ký với doanh nghiệp Hàn Quốc.

- Chuẩn bị khoản tiền 100 triệu đồng để ký quỹ sau khi kết thúc khóa giáo dục định hướng.

- Các khoản tiền sau đây để nộp **khi đến tập trung** tham dự khóa giáo dục định hướng:

+ Học phí bổ túc tiếng Hàn: 920.000 đồng;

+ Tiền khám sức khỏe: 485.000 đối với nam và 515.000 đồng đối với nữ để nộp cho bệnh viện (bao gồm: chi phí khám sức khỏe 365.000 đồng đối với nam, 395.000 đồng đối với nữ; chi phí xét nghiệm lao phổi để xin visa: 70.000 đồng/người; khám tổng quát sàng lọc lao phổi: 50.000 đồng/người);

+ Chi phí tiền ký túc xá, tiền ăn nộp trực tiếp cho đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Thông báo kế hoạch giáo dục định hướng

Đề nghị quý Sở thông báo tới người lao động đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về kế hoạch giáo dục định hướng như sau:

2.1. Địa điểm, thời gian tập trung và tổ chức đào tạo

- Thời gian đào tạo: từ ngày 31/3 đến ngày 16/4/2025;

- Thời gian làm thủ tục nhập học: 15h00 Chủ nhật ngày 30/3/2025;

- Địa điểm đào tạo: Km8+500 Đại lộ Thăng Long, An Thọ, An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội.

2.2. Người lao động cần chuẩn bị:

- *Hồ sơ xin cấp visa*

+ In, điền đầy đủ thông tin và mang theo các giấy tờ xin visa (theo mẫu tại website www.colab.gov.vn mục tải biểu mẫu), **Phiếu lý lịch tư pháp số 2** (01 bản gốc có chữ ký của cán bộ tư pháp, không sử dụng bản có chữ ký điện tử) và hộ chiếu còn hiệu lực trên 1 năm để nộp cho Trung tâm Lao động ngoài nước làm thủ tục xin cấp visa. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp được cấp sau ngày tập trung, người lao động vẫn đến tập trung theo kế hoạch và chuyển phát phiếu lý lịch tư pháp đến địa điểm nơi người lao động tham dự khóa đào tạo, **muộn nhất vào ngày kết thúc khóa học, người lao động phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Trung tâm lao động ngoài nước.**

Lưu ý: Bộ hồ sơ xin cấp visa bao gồm (1) Tờ khai xin cấp visa, (2) Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe, (3) 01 bản photo 2 mặt của CMND/CCCD (4) bản photo trang 2,3 của hộ chiếu, (5) Phiếu lý lịch tư pháp, (6) Hộ chiếu. Người lao động phải đọc kỹ hướng dẫn, điền đầy đủ, chính xác thông tin và sắp xếp hồ sơ theo thứ tự nêu trên. Việc nộp thiếu giấy tờ, kê khai thông tin không chính xác sẽ dẫn đến tiến độ xuất cảnh của người lao động bị chậm hoặc không thể xuất cảnh sang Hàn Quốc làm việc.

- Chuẩn bị **04 ảnh chân dung** có quy cách như sau: phong màu trắng, mặc áo khác màu với màu phong, không qua chỉnh sửa, kích thước 3.5cm x 4.5cm;

- Chuẩn bị 01 bản photo 02 mặt của CMND/CCCD;

- Chuẩn bị trang phục để lên lớp hàng ngày: quần âu, áo sơ mi trắng, giày hoặc dép quai hậu.

3. Một số công việc khác

Đối với những lao động thuộc danh sách này đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đề nghị quý Sở giữ lại số tiền Việt Nam đồng tương đương với 30USD để trang trải các chi phí hành chính; chuyển số tiền còn lại tương đương 600USD (theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền) và khoản chi phí hành chính xin cấp visa về Trung tâm Lao động ngoài nước chậm nhất ngày **31/03/2025** theo tài khoản sau:

+ Tên tài khoản: Trung tâm Lao động ngoài nước

+ Địa chỉ: Số 1 Trịnh Hoài Đức, Đống Đa, Hà Nội

+ Số tài khoản: 1440201030194

+ Tại: Chi nhánh Bắc Hà Nội-NH Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam *(Khi chuyển tiền, đề nghị quý Sở ghi rõ tên địa phương, số tiền và nội dung chuyển tiền).*

- Đề nghị quý Sở thông báo bằng văn bản cho Trung tâm lao động ngoài nước: danh sách người lao động hoàn thành nghĩa vụ tài chính và tham gia khóa học; danh sách những người lao động không đến làm thủ tục và không còn nguyện vọng đi làm việc tại Hàn Quốc; danh sách kèm theo Đơn của người lao động xin tiếp tục tham gia giáo dục định hướng (mẫu kèm theo); danh sách

người lao động thuộc đối tượng vay vốn ký quỹ để Trung tâm tổng hợp, triển khai các thủ tục tiếp theo.

Lưu ý: Người lao động không tham gia giáo dục định hướng theo kế hoạch được thông báo hoặc nộp **Phiếu lý lịch tư pháp miễn** dẫn đến nộp hồ sơ xin cấp visa chậm có thể bị doanh nghiệp Hàn Quốc hủy hợp đồng lao động và bị dừng tham gia Chương trình EPS trong thời gian 01 năm.

Trung tâm Lao động ngoài nước trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý
Sở./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo TT;
- P.TCKT, P.ĐT (để t/h);
- P.HTVL (để nhận tin);
- Lưu: VT, TCLĐ.



Đặng Huy Hồng



DANH SÁCH LAO ĐỘNG
THAM GIA GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K07-VX02/2025

(Kèm theo Công văn số 62 /TTLĐNN-TCLĐ ngày 24/3/2025 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
1	51032195	Lưu Văn Tới	21/09/2004	Nam	Bắc Giang	K07VX02-01
2	51032299	Đoàn Cảnh Lợi	04/12/2003	Nam	Bắc Giang	K07VX02-02
3	50306976	Nguyễn Văn Sang	18/03/2002	Nam	Bắc Giang	K07VX02-03
4	50306982	Nguyễn Văn Hoàn	29/01/2005	Nam	Bắc Giang	K07VX02-04
5	50307038	Vũ Văn Tân	18/09/2001	Nam	Bắc Giang	K07VX02-05
6	50307859	Nguyễn Văn Tuấn	14/09/2001	Nam	Bắc Giang	K07VX02-06
7	50304303	Hà Cẩm Ly	11/01/2003	Nữ	Bắc Kạn	K07VX02-07
8	50304304	Nông Thị Phương	07/11/1994	Nữ	Bắc Kạn	K07VX02-08
9	50304430	Hoàng Thị Phương	28/04/1993	Nữ	Bắc Kạn	K07VX02-09
10	50308451	Lưu Văn Tuấn	09/08/2004	Nam	Bắc Ninh	K07VX02-10
11	50309451	Cà Thị Nhung	06/09/2003	Nữ	Điện Biên	K07VX02-11
12	51031087	Phạm Văn Đức	09/11/1996	Nam	Hà Nam	K07VX02-12
13	50303703	Nguyễn Trọng Lượng	06/12/2000	Nam	Hà Nam	K07VX02-13
14	50303889	Trần Trọng Lâm	03/01/1995	Nam	Hà Nam	K07VX02-14
15	50303928	Đào Đình Hải	10/08/2000	Nam	Hà Nam	K07VX02-15
16	50303940	Nguyễn Thành Nam	13/12/2003	Nam	Hà Nam	K07VX02-16
17	50303942	Trần Ngọc Thiện	07/09/2003	Nam	Hà Nam	K07VX02-17
18	50303959	Nguyễn Mạnh Hùng	02/04/2002	Nam	Hà Nam	K07VX02-18
19	50303965	Trần Quốc Triệu	03/12/2001	Nam	Hà Nam	K07VX02-19
20	50303980	Chu Quang Ngọc	21/08/2005	Nam	Hà Nam	K07VX02-20
21	50500537	Bùi Thị Thủy	13/01/1993	Nữ	Hà Nội	K07VX02-21
22	50300028	Nguyễn Bá Thiết	05/04/2002	Nam	Hà Nội	K07VX02-22
23	50300386	Lê Minh Tú	24/06/2004	Nam	Hà Nội	K07VX02-23
24	50300416	Bùi Việt Sơn	31/01/2000	Nam	Hà Nội	K07VX02-24
25	50300468	Nguyễn Quý Luân	07/07/2003	Nam	Hà Nội	K07VX02-25
26	50301216	Nguyễn Trung Chính	06/08/2001	Nam	Hà Nội	K07VX02-26
27	51100907	Phạm Thị Lan	01/07/1995	Nữ	Hải Dương	K07VX02-27
28	51030705	Nguyễn Ngọc Sơn	16/03/2002	Nam	Hải Dương	K07VX02-28
29	50302015	Phạm Thị Huệ	18/09/2003	Nữ	Hải Dương	K07VX02-29
30	50302027	Phạm Thị Hồng Hạnh	23/10/2001	Nữ	Hải Dương	K07VX02-30
31	50302106	Nguyễn Thị Hương	07/10/1990	Nữ	Hải Dương	K07VX02-31
32	50302265	Lê Văn Vương	04/12/1992	Nam	Hải Dương	K07VX02-32
33	50302463	Phạm Quang Anh	11/12/1999	Nam	Hải Dương	K07VX02-33
34	50302525	Phạm Long Vỹ	07/07/2005	Nam	Hải Dương	K07VX02-34
35	50302526	Phạm Tuấn Anh	21/09/2005	Nam	Hải Dương	K07VX02-35
36	50302706	Phạm Văn Thanh Tú	03/03/2005	Nam	Hải Dương	K07VX02-36
37	50301517	Nguyễn Văn Kiên	07/12/2003	Nam	Hải Phòng	K07VX02-37
38	50301550	Đặng Quang Đạt	13/06/2005	Nam	Hải Phòng	K07VX02-38
39	50301564	Đào Anh Quân	15/09/2005	Nam	Hải Phòng	K07VX02-39
40	50301601	Lê Quang Chiến	09/05/2004	Nam	Hải Phòng	K07VX02-40
41	50301607	Đinh Như Thái	20/08/1994	Nam	Hải Phòng	K07VX02-41
42	50301608	Đỗ Văn Quý	01/06/1993	Nam	Hải Phòng	K07VX02-42

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
43	50301633	Hoàng Văn Trung	20/09/1994	Nam	Hải Phòng	K07VX02-43
44	50301638	Nguyễn Duy Thành	12/12/1991	Nam	Hải Phòng	K07VX02-44
45	50301666	Nguyễn Xuân Chung	02/08/1991	Nam	Hải Phòng	K07VX02-45
46	50301670	Lê Văn Huy	25/10/2002	Nam	Hải Phòng	K07VX02-46
47	50301681	Lương Thế An	25/03/1997	Nam	Hải Phòng	K07VX02-47
48	50301683	Lương Quý Minh	24/09/2001	Nam	Hải Phòng	K07VX02-48
49	50301747	Nguyễn Quốc Huy	19/09/1993	Nam	Hải Phòng	K07VX02-49
50	50301748	Đặng Văn Mạnh	23/08/2005	Nam	Hải Phòng	K07VX02-50
51	50301760	Đỗ Văn Phương	13/11/1989	Nam	Hải Phòng	K07VX02-51
52	50301766	Vũ Văn Viết	06/05/1999	Nam	Hải Phòng	K07VX02-52
53	50301828	Phạm Minh Đức	20/01/1998	Nam	Hải Phòng	K07VX02-53
54	50301835	Đinh Khắc Chiến	01/04/2001	Nam	Hải Phòng	K07VX02-54
55	50301837	Lê Đức Huy	05/12/2002	Nam	Hải Phòng	K07VX02-55
56	50301866	Vũ Thế Vinh	15/01/1992	Nam	Hải Phòng	K07VX02-56
57	50301892	Lê Xuân Lộc	26/02/1993	Nam	Hải Phòng	K07VX02-57
58	50301934	Nguyễn Trường Giang	20/09/2003	Nam	Hải Phòng	K07VX02-58
59	50301951	Vũ Văn Nam	03/10/2001	Nam	Hải Phòng	K07VX02-59
60	50301963	Hoàng Phú Duẩn	26/08/1997	Nam	Hải Phòng	K07VX02-60
61	50301986	Phùng Văn Thông	25/03/1996	Nam	Hải Phòng	K07VX02-61
62	50350030	Ngô Quang Long	10/07/1988	Nam	Hải Phòng	K07VX02-62
63	50309724	Lý Văn Đức	05/11/2002	Nam	Hoà Bình	K07VX02-63
64	50309744	Vũ Tiến Đạt	14/03/1997	Nam	Hoà Bình	K07VX02-64
65	50309837	Hoàng Văn Tuấn	08/02/2002	Nam	Hoà Bình	K07VX02-65
66	51101237	Đỗ Thu Thủy	25/10/1996	Nữ	Hung Yên	K07VX02-66
67	50303234	Hoàng Đại Thứ	28/07/2001	Nam	Hung Yên	K07VX02-67
68	50303320	Phạm Xuân Huy	22/03/1988	Nam	Hung Yên	K07VX02-68
69	50303336	Đoàn Văn Hiếu	14/09/1987	Nam	Hung Yên	K07VX02-69
70	50303382	Trần Duy Phương	25/01/2005	Nam	Hung Yên	K07VX02-70
71	50303533	Nguyễn Trung Dũng	02/09/1990	Nam	Hung Yên	K07VX02-71
72	50303654	Vũ Nam Sang	14/08/2002	Nam	Hung Yên	K07VX02-72
73	51031341	Vì Mạnh	30/12/2000	Nam	Lạng Sơn	K07VX02-73
74	50304516	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	25/08/2004	Nữ	Lạng Sơn	K07VX02-74
75	50304523	Phùng Minh Phương	14/09/2005	Nam	Lạng Sơn	K07VX02-75
76	50304530	Đinh Thị Thảo	10/09/2000	Nữ	Lạng Sơn	K07VX02-76
77	50304533	Lý Triệu Ngọc Long	16/09/2005	Nam	Lạng Sơn	K07VX02-77
78	50304600	Phùng Thị Ngọc Loan	23/12/2005	Nữ	Lạng Sơn	K07VX02-78
79	50304707	Triệu Nhật Vi	06/01/2005	Nữ	Lạng Sơn	K07VX02-79
80	50304721	La Hà Trang	31/08/2005	Nữ	Lạng Sơn	K07VX02-80
81	50304774	Dương Thế Kiên	09/08/2002	Nam	Lạng Sơn	K07VX02-81
82	50304837	Phạm Thị Kim	24/01/1995	Nữ	Lạng Sơn	K07VX02-82
83	50304896	Hoàng Thị Thảo	06/12/2003	Nữ	Lạng Sơn	K07VX02-83
84	50313162	Nông Thị Tiếp	28/10/1999	Nữ	Lạng Sơn	K07VX02-84
85	50304226	Đoàn Minh Khuê	13/05/2002	Nam	Lào Cai	K07VX02-85
86	50310013	Phạm Thế Vĩnh	05/08/2005	Nam	Nam Định	K07VX02-86
87	50310065	Hoàng Văn Giang	04/10/1999	Nam	Nam Định	K07VX02-87

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
88	50310107	Đỗ Văn Kỳ	15/03/2005	Nam	Nam Định	K07VX02-88
89	50310114	Trần Hải Nam	29/06/2002	Nam	Nam Định	K07VX02-89
90	50310163	Vũ Văn Thành	09/01/1990	Nam	Nam Định	K07VX02-90
91	50310168	Vũ Đức Mạnh	19/01/2005	Nam	Nam Định	K07VX02-91
92	50310231	Nguyễn Thị Minh Ngọc	14/07/1996	Nữ	Nam Định	K07VX02-92
93	50310272	Trần Anh Quân	06/07/1991	Nam	Nam Định	K07VX02-93
94	50310352	Nguyễn Văn Thắng	25/03/2005	Nam	Nam Định	K07VX02-94
95	50310407	Phạm Trần Hải Đức	08/11/2003	Nam	Nam Định	K07VX02-95
96	50310500	Trần Thị Trang Lan	25/12/2000	Nữ	Nam Định	K07VX02-96
97	50310529	Đinh Thanh Biên	06/03/2001	Nam	Nam Định	K07VX02-97
98	50310632	Nguyễn Trung Thành	17/11/2005	Nam	Nam Định	K07VX02-98
99	50310762	Đặng Công Nghĩa	28/11/1990	Nam	Nam Định	K07VX02-99
100	50310978	Vũ Thị Mừng	26/10/2002	Nữ	Nam Định	K07VX02-100
101	50310983	Nguyễn Thành Chung	04/04/2002	Nam	Nam Định	K07VX02-101
102	50341005	Đinh Cao Cường	30/08/2005	Nam	Nam Định	K07VX02-102
103	50341076	Vũ Thị Thu	25/01/2000	Nữ	Nam Định	K07VX02-103
104	50341126	Ngô Quốc Hưng	24/04/2002	Nam	Nam Định	K07VX02-104
105	50540937	Trần Văn Sáu	20/06/1992	Nam	Ninh Bình	K07VX02-105
106	50311920	Lưu Danh Đức	16/05/1999	Nam	Ninh Bình	K07VX02-106
107	50312142	Lương Văn Tiến	15/01/1998	Nam	Ninh Bình	K07VX02-107
108	50312178	Nguyễn Văn Sang	07/04/1999	Nam	Ninh Bình	K07VX02-108
109	50312333	Nguyễn Quốc Tiến	08/09/1995	Nam	Ninh Bình	K07VX02-109
110	50312382	Bùi Mạnh Đức	17/06/2002	Nam	Ninh Bình	K07VX02-110
111	50312480	Lê Công Đức Mạnh	30/09/2002	Nam	Ninh Bình	K07VX02-111
112	50312488	Nguyễn Thanh Tùng	17/10/1997	Nam	Ninh Bình	K07VX02-112
113	50312559	Nguyễn Công Anh	23/09/2001	Nam	Ninh Bình	K07VX02-113
114	50312664	Trương Văn Quyển	30/10/2002	Nam	Ninh Bình	K07VX02-114
115	50312902	Đỗ Hoài Ngọc	06/04/2005	Nam	Ninh Bình	K07VX02-115
116	50350987	Nguyễn Văn Đông	07/06/2002	Nam	Ninh Bình	K07VX02-116
117	50516650	Vũ Thị Hằng	21/09/1995	Nữ	Nghệ An	K07VX02-117
118	51036108	Bùi Sỹ Huyền	15/08/1989	Nam	Nghệ An	K07VX02-118
119	50322293	Hoàng Lê Anh	14/11/2005	Nam	Nghệ An	K07VX02-119
120	50322485	Võ Xuân Quân	21/04/1994	Nam	Nghệ An	K07VX02-120
121	50323063	Phung Ba Tai	24/01/1999	Nam	Nghệ An	K07VX02-121
122	50323630	Nguyễn Văn Ngọc Anh	03/12/2004	Nam	Nghệ An	K07VX02-122
123	50323767	Phan Anh Khoáng	07/10/2002	Nam	Nghệ An	K07VX02-123
124	50324415	Cao Tiến Đồng	24/11/1998	Nam	Nghệ An	K07VX02-124
125	50324632	Phạm Tuấn Anh	05/05/1993	Nam	Nghệ An	K07VX02-125
126	50324937	Nguyễn Trọng Đạt	03/01/2003	Nam	Nghệ An	K07VX02-126
127	50325102	Trần Công Minh	10/07/1998	Nam	Nghệ An	K07VX02-127
128	50325136	Nguyễn Đình Mạnh	02/02/2005	Nam	Nghệ An	K07VX02-128
129	50325226	Hồ Sỹ Đoàn	27/07/1999	Nam	Nghệ An	K07VX02-129
130	50325231	Cao Văn Du	19/06/2005	Nam	Nghệ An	K07VX02-130
131	50353267	Nguyễn Văn Nam	17/08/1996	Nam	Nghệ An	K07VX02-131
132	50308964	Đỗ Thanh Tùng	25/09/2004	Nam	Quảng Ninh	K07VX02-132

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
133	50309087	Nguyễn Đăng Phước	27/11/1998	Nam	Quảng Ninh	K07VX02-133
134	50309156	Nguyễn Văn Ngọc	28/09/2005	Nam	Quảng Ninh	K07VX02-134
135	50350425	Đinh Khắc Vũ	09/09/1999	Nam	Quảng Ninh	K07VX02-135
136	50309626	Nguyễn Thị Thiên	09/10/1990	Nữ	Sơn La	K07VX02-136
137	50304944	Phạm Thị Thuý	06/02/2003	Nữ	Tuyên Quang	K07VX02-137
138	50304970	Lý Thị Thuý	04/02/2003	Nữ	Tuyên Quang	K07VX02-138
139	50304986	Hoàng Thị Lan	09/10/2003	Nữ	Tuyên Quang	K07VX02-139
140	50305125	Hoàng Thị Thanh Nga	08/06/1993	Nữ	Tuyên Quang	K07VX02-140
141	51033374	Phạm Xuân Tình	15/11/1990	Nam	Thái Bình	K07VX02-141
142	50311034	Nguyễn Thị Hương	05/08/2001	Nữ	Thái Bình	K07VX02-142
143	50311054	Nguyễn Bá Duy	25/07/2002	Nam	Thái Bình	K07VX02-143
144	50311060	Trần Xuân Biên	17/11/1991	Nam	Thái Bình	K07VX02-144
145	50311081	Bùi Sỹ Phú	25/11/1994	Nam	Thái Bình	K07VX02-145
146	50311094	Trần Xuân Đô	10/08/2002	Nam	Thái Bình	K07VX02-146
147	50311101	Đoàn Ngọc Chính	01/05/2005	Nam	Thái Bình	K07VX02-147
148	50311130	Trần Văn Trường	11/04/2005	Nam	Thái Bình	K07VX02-148
149	50311132	Hồ Tuấn Phong	13/03/2005	Nam	Thái Bình	K07VX02-149
150	50311171	Phạm Tiến Thành	15/09/2002	Nam	Thái Bình	K07VX02-150
151	50311208	Nguyễn Văn Tuấn	13/04/2005	Nam	Thái Bình	K07VX02-151
152	50311232	Nguyễn Văn Khương	25/12/2003	Nam	Thái Bình	K07VX02-152
153	50311235	Vũ Việt Hoàng	15/11/1999	Nam	Thái Bình	K07VX02-153
154	50311244	Bùi Tiến Dũng	05/10/2000	Nam	Thái Bình	K07VX02-154
155	50311257	Trần Xuân Ninh	04/12/1991	Nam	Thái Bình	K07VX02-155
156	50311275	Nguyễn Thanh Tùng	19/04/1994	Nam	Thái Bình	K07VX02-156
157	50311276	Phạm Quốc Anh	02/01/2003	Nam	Thái Bình	K07VX02-157
158	50311277	Trần Văn Hùng	02/04/2002	Nam	Thái Bình	K07VX02-158
159	50311305	Nguyễn Văn Sáng	19/10/2002	Nam	Thái Bình	K07VX02-159
160	50311307	Nguyễn Văn Lanh	01/04/1993	Nam	Thái Bình	K07VX02-160
161	50311349	Nguyễn Duy Mạnh	19/01/1995	Nam	Thái Bình	K07VX02-161
162	50311369	Đặng Văn Hiếu	24/04/2004	Nam	Thái Bình	K07VX02-162
163	50311391	Hoàng Đình Thông	03/05/2003	Nam	Thái Bình	K07VX02-163
164	50311422	Trần Văn Hiếu	20/11/1999	Nam	Thái Bình	K07VX02-164
165	50311459	Phạm Thế Anh	01/09/2001	Nam	Thái Bình	K07VX02-165
166	50311462	Bùi Tiến Duy	10/07/2003	Nam	Thái Bình	K07VX02-166
167	50311511	Nguyễn Mạnh Toàn	26/11/2002	Nam	Thái Bình	K07VX02-167
168	50311543	Đỗ Tiến Dũng	04/06/1998	Nam	Thái Bình	K07VX02-168
169	50311547	Đỗ Văn Đức	08/11/1996	Nam	Thái Bình	K07VX02-169
170	50311642	Lê Quý Diệp	05/02/1994	Nam	Thái Bình	K07VX02-170
171	50311663	Hoàng Đình Anh	11/07/2002	Nam	Thái Bình	K07VX02-171
172	50311683	Nguyễn Văn Khánh	07/02/2004	Nam	Thái Bình	K07VX02-172
173	50311748	Đặng Hữu Thùy	17/02/2005	Nam	Thái Bình	K07VX02-173
174	50311774	Kiều Phú Dương	29/09/2004	Nam	Thái Bình	K07VX02-174
175	50305460	Dương Mạnh Duy	13/10/2002	Nam	Thái Nguyên	K07VX02-175
176	50305483	Nguyễn Văn Tuấn	26/07/1992	Nam	Thái Nguyên	K07VX02-176
177	50305507	Lý Đức Viên	25/02/2004	Nam	Thái Nguyên	K07VX02-177

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
178	50305511	Lê Văn Tài	01/06/2002	Nam	Thái Nguyên	K07VX02-178
179	50305522	Đỗ Văn Trung	11/02/1992	Nam	Thái Nguyên	K07VX02-179
180	50305555	Vũ Xuân Tuấn	15/09/2005	Nam	Thái Nguyên	K07VX02-180
181	50305576	Nguyễn Thanh Cường	24/12/1989	Nam	Thái Nguyên	K07VX02-181
182	50305659	Phạm Văn Tư	22/07/1999	Nam	Thái Nguyên	K07VX02-182
183	50313042	Nguyễn Văn Hiền	20/11/1991	Nam	Thái Nguyên	K07VX02-183
184	50313086	Nguyễn Duy Hoàng	01/05/2002	Nam	Thái Nguyên	K07VX02-184
185	50313806	Nguyễn Tô Sơn	22/12/1992	Nam	Thái Nguyên	K07VX02-185
186	50313809	Nguyễn Quang Thành	21/08/2002	Nam	Thái Nguyên	K07VX02-186
187	50313969	Ma Thanh Phúc	03/09/2002	Nam	Thái Nguyên	K07VX02-187
188	51120930	Phùng Đức Lương	08/10/2002	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-188
189	50512184	Đào Thị Tiến	10/10/1988	Nữ	Thanh Hóa	K07VX02-189
190	50513213	Lê Văn Đại	03/08/1993	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-190
191	50533494	Nguyễn Phương Thảo	05/01/2003	Nữ	Thanh Hóa	K07VX02-191
192	51034047	Nguyễn Văn Dũng	07/11/2002	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-192
193	51034246	Lại Bá Công	27/08/2002	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-193
194	51034643	Lê Trọng Học	24/10/1992	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-194
195	51034744	Trần Huy Dũng	18/01/2004	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-195
196	50314203	Lê Văn Nam	26/07/1990	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-196
197	50314262	Lê Hoàng Minh	24/11/2002	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-197
198	50314320	Phạm Gia Hưng	18/10/2002	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-198
199	50314381	Lê Tuấn Anh	02/05/2002	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-199
200	50314382	Lê Duy Tiến	18/08/2003	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-200
201	50314428	Lê Văn Huy	20/04/1993	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-201
202	50314809	Lê Xuân Hùng	23/11/1995	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-202
203	50314844	Đào Xuân Tuấn	07/07/1995	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-203
204	50314912	Trương Công Tú	29/04/1996	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-204
205	50314988	Lê Xuân Phong	06/10/2002	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-205
206	50315071	Nguyễn Thị Ngân	22/09/1997	Nữ	Thanh Hóa	K07VX02-206
207	50315289	Lương Xuân Lâm	21/02/1995	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-207
208	50315824	Ngô Minh Đức	16/11/2002	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-208
209	50316636	Nguyễn Trọng Quang	24/07/2001	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-209
210	50316843	Phạm Anh Tuấn	29/07/2003	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-210
211	50316985	Tào Quang Thắng	10/10/2001	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-211
212	50317646	Lê Văn Trường	14/11/1999	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-212
213	50318142	Đậu Văn Duy	17/10/2001	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-213
214	50318448	Hoàng Văn Thành	17/01/1993	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-214
215	50318516	Mỵ Duy Khanh	01/09/2004	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-215
216	50319187	Trịnh Văn Bộ	03/11/1994	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-216
217	50319195	Nguyễn Đình Hoàng	23/05/2004	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-217
218	50319281	Ngô Văn Tiên	15/10/2002	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-218
219	50319413	Lê Văn Quyết	07/03/2005	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-219
220	50319456	Trịnh Ngọc Trung	08/01/1992	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-220
221	50319516	Lê Đức Bảo	15/11/1990	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-221
222	50321604	Lê Huy Hùng	13/08/2002	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-222

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
223	50321670	Cao Duy Hoàng Bắc	02/07/2002	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-223
224	50321696	Nguyễn Văn Anh	16/07/1996	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-224
225	50321782	Bùi Văn Thiên	10/01/1998	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-225
226	50351937	Đặng Văn Ngọc	08/01/2000	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-226
227	50352206	Nguyễn Văn Hải	26/10/2004	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-227
228	50352267	Trần Văn Hùng	04/08/1996	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-228
229	50352276	Trần Văn Thành	27/08/2000	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-229
230	50352398	Vũ Tiến Ngọc	14/09/1997	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-230
231	50352419	Đặng Văn Mùi	04/05/1991	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-231
232	50352420	Nguyễn Văn Duy	25/06/2003	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-232
233	50352432	Nguyễn Thị Thúy	06/05/1990	Nữ	Thanh Hóa	K07VX02-233
234	50352433	Ngô Văn Vinh	05/12/2003	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-234
235	50352453	Phạm Gia Hợp	09/09/1998	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-235
236	50352461	Phạm Văn Du	08/08/2002	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-236
237	50352613	Nguyễn Văn Chúc	28/03/1990	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-237
238	50352635	Nguyễn Sỹ Vũ	09/08/1989	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-238
239	50352678	Nguyễn Văn Lâm	05/10/2004	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-239
240	50352688	Nguyễn Tuấn Anh	09/05/1997	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-240
241	50352758	Nguyễn Hữu Hà	23/01/2003	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-241
242	50352781	Nguyễn Văn Năm	22/11/1989	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-242
243	50352786	Vũ Văn Bình Tân	24/12/2000	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-243
244	50352822	Lê Văn Hoàng	20/09/1999	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-244
245	50352913	Nguyễn Văn Quân	15/02/2002	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-245
246	50352922	Cao Quốc Hào	28/07/2003	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-246
247	50352961	Nguyễn Văn Tân	06/02/1999	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-247
248	50353012	Nguyễn Ngọc Thành	22/08/1996	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-248
249	50353125	Phạm Văn Duy	02/11/1999	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-249
250	50353136	Hoàng Văn Chính	27/07/2002	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-250
251	50353165	Đỗ Tiến Anh	08/12/2000	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-251
252	50353195	Dương Công Hoàng	02/10/2003	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-252
253	50371111	Phạm Văn Sang	14/11/1998	Nam	Thanh Hóa	K07VX02-253
254	50306563	Chu Văn Toàn	29/09/2005	Nam	Vĩnh Phúc	K07VX02-254
255	50306580	Khổng Văn Đại	22/04/2001	Nam	Vĩnh Phúc	K07VX02-255
256	50306602	Phạm Văn Chính	09/10/2005	Nam	Vĩnh Phúc	K07VX02-256
257	50306665	Lại Văn Tiến	11/09/2005	Nam	Vĩnh Phúc	K07VX02-257
258	50306669	Nguyễn Nhật Đăng Khoa	17/01/2005	Nam	Vĩnh Phúc	K07VX02-258
259	50306686	Đặng Ngọc Cẩm Thành	25/01/2005	Nam	Vĩnh Phúc	K07VX02-259
260	50306720	Nguyễn Thái Anh	27/06/1999	Nam	Vĩnh Phúc	K07VX02-260
261	50306774	Nguyễn Quốc Nghị	25/09/1985	Nam	Vĩnh Phúc	K07VX02-261
262	50306835	Nguyễn Tuấn Quyền	23/05/2003	Nam	Vĩnh Phúc	K07VX02-262
263	50305270	Nguyễn Thị Minh Phượng	26/07/2003	Nữ	Yên Bái	K07VX02-263
264	50305764	Phạm Quang Thông	12/03/1999	Nam	Phú Thọ	K07VX02-264
265	50305770	Nguyễn Anh Vũ	24/12/1994	Nam	Phú Thọ	K07VX02-265
266	50305792	Nguyễn Khắc Minh	18/10/2004	Nam	Phú Thọ	K07VX02-266
267	50305806	Phạm Trung Hòa	07/01/2004	Nam	Phú Thọ	K07VX02-267

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
268	50305818	Nguyễn Văn Bách	05/11/2005	Nam	Phú Thọ	K07VX02-268
269	50305824	Vũ Minh Đức	23/12/2003	Nam	Phú Thọ	K07VX02-269
270	50305862	Hà Anh Quân	26/05/2005	Nam	Phú Thọ	K07VX02-270



